

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, năm 2021**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố về danh mục dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm;

Xét đề nghị của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tại văn bản số 2581/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 24/11/2020 về việc rà soát, lập danh mục khu vực nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên đường thủy nội địa quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, năm 2021 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án có trách nhiệm:

1. Đăng tải danh mục dự án trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 23 Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ.

3. Tổ chức đúng thẩm quyền việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm thiết kế cơ sở); lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng; triển khai thực hiện dự án và bàn giao dự án theo quy định tại Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu, các quy định của pháp luật có liên quan và những nội dung sau:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình tổ chức thực hiện dự án;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nơi có dự án đi qua hoặc cơ quan đủ thẩm quyền quyết định (đối với dự án đi qua hai tỉnh trở lên) để tổ chức thực hiện dự án theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải báo cáo định kỳ, đột xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về tiến độ, kết quả thực hiện dự án;

- Trường hợp không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo gửi cho Bộ Giao thông vận tải xem xét điều chỉnh danh mục dự án;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn của tỉnh phối hợp với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trong thực hiện các quy định của pháp luật về đường thủy nội địa đối với những nội dung thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trong quá trình tổ chức thực hiện dự án.

**Điều 3.** Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm:

1. Đăng tải danh mục dự án trên trang Thông tin điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Đối với các danh mục dự án có số thứ tự 3, 4, 5, 6: Bộ Giao thông vận tải giao Cục Đường thủy nội địa Việt Nam làm việc với các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có dự án đi qua và trên cơ sở yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương để thống nhất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

2. Phối hợp, hướng dẫn Sở Giao thông vận tải trong quá trình tổ chức thực hiện dự án; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định của Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Tổ chức tiếp nhận, bàn giao dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý sau khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hòa Bình, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau; Vụ trưởng các Vụ: Kết cấu hạ tầng giao thông, Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Môi trường; Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KCHT (3).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Nhật**

**Danh mục dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm  
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, năm 2021  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /12/2020)**

Stt	Tên dự án	Khu vực dự kiến nạo vét (lý trình sông, kênh)	Địa danh (tỉnh, thành phố)		Chuẩn tắc nạo vét			Khối lượng dự kiến (1.000 m <sup>3</sup> )	Thời gian thực hiện	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án
			Bờ trái	Bờ phải	B (m)	H (m)	R (m)			
1	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Đà	Từ km45+700 đến km48+300.	Hòa Bình	Hòa Bình	50	2,8	350	140	2021-2022	UBND tỉnh Hòa Bình
2	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Đồng Nai (đoạn từ km35+100 đến km41+200)	Từ km35+100 đến km37+600; Từ km38+000 đến km38+900; Từ km40+100 đến km41+200.	Đồng Nai	Đồng Nai	50	2,8	350	80	2021-2022	UBND tỉnh Đồng Nai
3	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Tiền	Từ km119+500 đến km121+700	Tiền Giang	Vĩnh Long	150	8,7	600	335	2021-2022	
4	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Đồng Nai (đoạn từ km45+250 đến km69+950)	Từ km45+250 đến km45+600; Từ km49+050 đến km49+650; Từ km56+750 đến km57+350; Từ km59+200 đến km60+300; Từ km63+750 đến km64+250; Từ km69+050 đến km69+950.	Đồng Nai	Bình Dương	50	2,8	350	535	2021-2022	
5	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Gành Hào (đoạn từ km0+000 đến km6+000)	Từ km0+000 đến km6+000	Bạc Liêu	Cà Mau	70	3,6	500	320	2021-2022	
6	Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng ĐTND quốc gia sông Sài Gòn	Từ km106+500 đến km107+500; Từ km111+250 đến km112+500; Từ km116+750 đến km117+750; Từ km118+250 đến km139+750; Từ km140+000 đến km142+750	Bình Dương	Tây Ninh	50	2,8	350	635	2021-2022	